TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 26- 3 - 2019.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nợ "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đóa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đậu Cao Nhu
Bà Đỗ Thị Hằng

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu - Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Ông Hồ Kim Trình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 263/2018/TLST - HNGĐ ngày 18/12/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nợ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXX- ST ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Vương Đình S - Sinh năm: 1938. Có mặt.
Địa chỉ: Xóm 12, xã Q Th, huyện QL, tỉnh Nghệ An.
2. *Bị đơn:* Bà Hồ Thị N - Sinh năm: 1962. Có mặt.
Địa chỉ: Xóm 4, xã QL, huyện QL- Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như quá trình tố tụng tại phiên tòa nguyên đơn ông Vương Đình S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà Hồ Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q Th, huyện QL, tỉnh Nghệ An vào ngày 16/3/2018. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau bình thường, đến ngày 03/6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà N đòi đi làm ăn để trả nợ, ông S không cho bà N đi vì ông thấy ông còn đủ điều kiện để nuôi bà nhưng bà N không đồng ý và bỏ đi luôn nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết để ông được ly hôn với bà Hồ Thị N.

Về con chung: Hai vợ chồng không có con chung với nhau.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ông S khai nại, trước khi kết hôn, ông có đưa cho bà N vay số tiền 10.700.000đ, nhưng hai bên không làm giấy tờ gì. Nay ly hôn, ông yêu cầu bà N trả cho ông 10.000.000 đồng.

Bị đơn bà Hồ Thị N trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: Bà nhất trí với ý kiến của ông S về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Đến tháng 5 (âm lịch) năm 2018 thì bà N có gặp bà L (là vợ 2 của ông S) có nói với bà là bà Tr (vợ đầu ông S) nói ông S đừng có xuống nhà bà Tr mà xấu mặt, nhục nhã lắm nên bà có về nói lại với ông S thì hai vợ chồng đã xảy ra cải cọ nhau. Bà N hông xôi để bán nhưng ông S không cho và đã vứt đồ của bà ra khỏi nhà. Ông S hứa sẽ cho bà tiền để trả nợ ngân hàng nhưng không cho nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẩn. Bà đã về QL để ở từ ngày 05/5/2018 (âm lịch) cho đến nay. Nay bà không còn tình cảm với ông S nữa, ông S làm đơn xin ly hôn thì bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hai vợ chồng không có con chung với nhau.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Về số tiền 10.000.000đ, bà N cho rằng ông S đã tự nguyện cho bà, bà không vay của ông S và cũng không có giấy tờ vay mượn gì nên bà không đồng ý trả nợ cho ông S số tiền trên.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng. Người tham gia tố tụng chấp hành đầy đủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vương Đình S.

- Về tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Vương Đình S với bà Hồ Thị N.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản: Ông S và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- Về nợ: Không chấp nhận yêu cầu của ông Vương Đình S buộc bà Hồ Thị N trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội khóa 14 , nguyên đơn là người cao tuổi nên không phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông S và bà N là hợp pháp vì tuân thủ các thủ tục, điều kiện kết hôn do luật định. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên hay tranh cãi nhau, không quan tâm đến nhau, nguyên nhân theo hai bên trình bày là khác nhau, nhưng thể hiện mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của ông S bà N thì được UBND xã Q Th cho biết, ông S và bà N có đăng ký kết hôn ngày 16/3/2018. Trong quá trình chung sống do không hợp nhau nên đã sống ly thân. Nay ông S yêu cầu giải quyết ly hôn với bà N thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Qua phiên hòa giải và tại phiên tòa cả ông S và bà N đều thống nhất ly hôn cho thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Vương Đình S và bà Hồ Thị N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Ông Vương Đình S và bà Hồ Thị N không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Vương Đình S và bà Hồ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về nợ: Ông S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N trả cho ông số tiền 10.000.000đ. Bà N thừa nhận ông S có đưa cho bà số tiền này nhưng đây là tiền ông S đã tự nguyện cho bà chứ bà không vay tiền của ông S, cũng không có giấy tờ vay mượn gì với nhau cả. Ông S cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc ông đã cho bà N vay số tiền trên. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông S về việc đòi bà N trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vương Đình S là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Vương Đình S và bà Hồ Thị N.

2. Về con chung: Ông S và bà N không có con chung.

3. Về quan hệ tài sản: Ông S và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ: Không chấp nhận yêu cầu của ông Vương Đình S về việc yêu cầu bà Hồ Thị N trả số tiền 10.000.000đ *(mười triệu đồng)*.

5. Về án phí: Nguyên đơn ông Vương Đình S là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Đóa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKS ND huyện Q.Lưu;
- THADS Quỳnh Lưu;
- Các đương sự;
- UBND xã Q Th;
- Lưu VP, HS.